TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim Phước

Ông Nguyễn Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2023/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị G, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Vũ T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2023 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày:

Nguyên vào năm 2016, bà và ông Huỳnh Vũ T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 17/8/2016. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc.Trong thời gian chung sống ông, bà có 01

người con chung tên Huỳnh Thị C, sinh ngày 14/8/2014. Quá trình chung sống ông, bà không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa bà G yêu cầu như sau: Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Vũ T. Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên Huỳnh Thị C, sinh ngày 14/8/2014, không yêu cầu ông Huỳnh Vũ T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Vũ T: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho ông T, nhưng ông T không có ý kiến trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án,

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016, bà G và ông T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận cho bà G được ly hôn với ông T.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị G xác định trong thời chung sống bà và ông T có một người con chung tên Huỳnh Thị C sinh ngày 14/8/2014.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay cháu Huỳnh Thị C đều do bà Lê Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu C. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu C, HĐXX quyết định giao cháu C cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, cũng phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu C.

Về cấp dưỡng: Bà G không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị G xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông Huỳnh Vũ T không phải chịu án phí.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị G được ly hôn với ông Huỳnh Vũ T.

2/ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị C sinh ngày 14/8/2014 cho bà Lê Thị G tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Huỳnh Vũ T không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Huỳnh Vũ T mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị G xác định trong thời chung sống bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị G có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000621 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Ông Huỳnh Vũ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà